

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN**



## **CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**

Trình độ đào tạo: **Thạc sĩ**  
Ngành đào tạo: **Tài chính – Ngân hàng**  
Tên tiếng Anh: **Finance - Banking**  
Mã ngành: **8340201**  
Hình thức đào tạo: **Chính quy**  
Chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng

**Bình Định, 2023**

## CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1611 /QĐ-ĐHQN ngày 26 tháng 6 năm 2023  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ  
Ngành đào tạo: Tài chính – Ngân hàng  
Tên tiếng Anh: Finance - Banking  
Mã ngành: 8340201  
Hình thức đào tạo: Chính quy  
Chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng

### 1. CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

#### 1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng theo định hướng ứng dụng cung cấp cho học viên kiến thức toàn diện, chuyên sâu và cập nhật về lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng, trang bị những kỹ năng cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp để phát hiện và xử lý các vấn đề thực tiễn liên quan đến hoạt động nghề nghiệp một cách khoa học, hiệu quả và qua đó khơi dậy năng lực làm việc độc lập, sáng tạo của học viên. Chương trình nhằm hướng đến đào tạo học viên có chuyên môn cao và có khả năng trở thành nhà quản lý, nhà lãnh đạo các doanh nghiệp, ngân hàng trong môi trường kinh doanh toàn cầu.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể (ký hiệu POs)

Thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng có khả năng:

**- Về kiến thức**

+ PO1: Nâng cao kiến thức về kinh doanh, quản lý và kiến thức tổng hợp về lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

+ PO2: Trang bị kiến thức nâng cao và chuyên sâu theo từng chuyên ngành của ngành Tài chính – Ngân hàng như: Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng thương mại, Tài chính công, Bảo hiểm, Đầu tư tài chính, Quản trị rủi ro,...

+ PO3: Nâng cao các kiến thức cập nhật thực tiễn về lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng tại Việt Nam và trên thế giới.

**- Về kỹ năng**

+ PO4: Phát triển các kỹ năng cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp như: kỹ năng

phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu thông tin về tài chính ngân hàng để phát hiện và đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

+ P05: Phát triển khả năng truyền đạt tri thức, kỹ năng thảo luận các vấn đề thực tiễn với nhà chuyên môn hoặc với người cùng ngành để giải quyết các vấn đề thực tiễn, xử lý các tình huống trong lĩnh vực ngành Tài chính – Ngân hàng.

+ P06: Nâng cao kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin.

**- Về mức tự chủ và trách nhiệm**

+ P07: Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng; Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường cạnh tranh.

+ P08: Có năng lực lập kế hoạch, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn tại các tổ chức.

+ P09: Có khả năng đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, đồng thời có thể bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn đó.

### **1.3. Chuẩn đầu ra đối với ngành học (ký hiệu PLOs)**

Chương trình được thiết kế để đảm bảo học viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau:

#### **1.3.1. Về kiến thức**

1) PLO1: Vận dụng kiến thức, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu khoa học một cách có tư duy, logic trong giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

2) PLO2: Phân tích và đánh giá được các lý thuyết tài chính, ngân hàng chuyên sâu để phát hiện và giải quyết các vấn đề thực tiễn và nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

3) PLO3: Vận dụng các kiến thức cập nhật trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng để giải quyết vấn đề thực tiễn một cách sáng tạo và đưa ra các giải pháp phù hợp.

#### **1.3.2. Về kỹ năng**

##### **- Kỹ năng chung**

4) PLO4: Phân tích, tổng hợp, phản biện, đánh giá được dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học và toàn diện.

5) PLO5: Đạt trình độ ngoại ngữ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho người Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

6) PLO6: Phân tích dữ liệu, quản lý dữ liệu và ứng dụng công nghệ thông tin một cách sáng tạo trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

##### **- Kỹ năng chuyên môn**

7) PLO7: Tổ chức, hướng dẫn, quản trị, nghiên cứu các hoạt động liên quan đến lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, ngân hàng thương mại và các định chế tài chính phi ngân hàng.

8) PLO8: Tổng hợp, truyền đạt, phổ biến được tri thức dựa trên các kết quả nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng và khác ngành.

### 1.3.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

9) PLO9: Có năng lực dẫn dắt chuyên môn, quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn; Có khả năng đưa ra những sáng kiến để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.

10) PLO10: Có khả năng độc lập trong nghiên cứu, tự học hỏi, tự định hướng phát triển năng lực cá nhân.

### Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

Mục tiêu của CTĐT	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
PO1	X	X	X	X						
PO2	X	X	X	X						
PO3	X	X	X	X						
PO4	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PO5	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PO6					X	X				
PO7	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PO8	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
PO9	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

### 1.4. Nội dung đào tạo

TT	Mã học phần		Tên học phần	Học kỳ	Khối lượng kiến thức			Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
	Chữ	Số			Tổng	LT	BT			
<b>I. Phần kiến thức chung</b>					<b>8</b>					
1	TCNH	83401	Triết học	1	2	2			LLCT-L & QLNN	
2	TCNH	83402	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong tài chính – ngân hàng	1	3	1	1	1	TC-NH & QTKD	
3	TCNH	83403	Kinh tế quản lý	1	3	2	1		TC-NH & QTKD	
<b>II. Phần kiến thức cơ sở và ngành</b>					<b>43</b>					
<i>II.1. Phần bắt buộc</i>					<i>31</i>					
4	TCNH	83404	Quản trị chiến lược	1	3	2	1		TC-NH & QTKD	
5	TCNH	83405	Quản trị tài chính công ty	2	3	2	1		TC-NH & QTKD	
6	TCNH	83406	Quản trị ngân hàng hiện đại	2	3	2	1		TC-NH & QTKD	

7	TCNH	83407	Tài chính công	2	2	1	1			TC-NH &QTKD
8	TCNH	83408	Marketing dịch vụ tài chính	2	2	1	1			TC-NH &QTKD
9	TCNH	83409	Quản trị rủi ro tài chính	2	2	1	1			TC-NH &QTKD
10	TCNH	83410	Tài chính quốc tế	2	2	1	1			TC-NH &QTKD
11	TCNH	83411	Thực tập chuyên môn 1	2	3					TC-NH &QTKD
12	TCNH	83412	Đầu tư tài chính	3	3	1	1	1		TC-NH &QTKD
13	TCNH	83413	Phân tích tài chính	3	3	2	1			TC-NH &QTKD
14	TCNH	83414	Thực tập chuyên môn 2	3	3					TC-NH &QTKD
15	TCNH	83415	Tài chính bền vững	3	2	1		1		TC-NH &QTKD
<i>II.2. Phần tự chọn</i>				12						
<i>Tự chọn 1: Chọn 3 trong 5 học phần</i>				6						
16	TCNH	83416	Lãnh đạo	1	2	1	1			TC-NH &QTKD
17	TCNH	83417	Quản trị trải nghiệm khách hàng	1	2	1	1			TC-NH &QTKD
18	TCNH	83418	Tài chính khởi nghiệp	1	2	1	1			TC-NH &QTKD
19	TCNH	83419	Quản lý kinh doanh bảo hiểm	1	2	1	1			TC-NH &QTKD
20	TCNH	83420	Phân tích dữ liệu tài chính	1	2	1	1			Toán & Thống kê
<i>Tự chọn 2: Chọn 3 trong 5 học phần</i>				6						
21	TCNH	83421	Ngân hàng Trung ương	3	2	1	1			TC-NH &QTKD
22	TCNH	83422	Kế toán quản trị	3	2	1	1			Kinh tế & Kế toán
23	TCNH	83423	Quản trị dòng tiền	3	2	1	1			TC-NH &QTKD
24	TCNH	83424	Định giá doanh nghiệp	3	2	1	1			TC-NH &QTKD
25	TCNH	83425	Fintech	3	2	1	1			TC-NH &QTKD
<b>III. Đề án</b>				<b>9</b>						

26	TCNH	83426	Đề án thạc sĩ	4	9								TC-NH &QTKD
<b>Tổng cộng</b>						<b>60</b>							

**Ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt chuẩn đầu ra của ngành học**

TT	Khối kiến thức	Số TC	Tỉ lệ	Chuẩn đầu ra (PLOs)									
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
<b>1</b>	<b>Phần kiến thức chung</b>	8	13,33%										
1.1	Triết học	2	3,33%	X	X	X	X		X	X	X	X	X
1.2	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong tài chính – ngân hàng	3	5%	X	X	X	X		X	X	X	X	X
1.3	Kinh tế quản lý	3	5%	X		X	X		X	X	X	X	X
<b>2</b>	<b>Phần kiến thức cơ sở và ngành</b>	43	71,67%										
2.1	Các học phần bắt buộc	31	51,67%	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2.2	Các học phần tự chọn	12	20%	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
<b>3</b>	<b>Luận văn/Đề án thay thế/Khác</b>	9	15%										
	Đề án thạc sĩ	9	15%	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

**1.5. Kế hoạch giảng dạy từng kỳ (dự kiến)**

TT	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Kế hoạch đào tạo (học kỳ)				Dự kiến giảng viên thực hiện	Khoa QLHP
	Chữ	Số			1	2	3	4		
<b>I. Kiến thức chung</b>				<b>7</b>	<b>8</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
1	TCNH	83401	Triết học	2	2				TS. Nguyễn Thị Ngọc Thùy PGS. TS. Đoàn Thế Hùng	LLCT-L &QLNN
2	TCNH	83402	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong tài chính - ngân hàng	3	3				TS. Kiều Thị Hương TS. Phạm Thị Hương	TC-NH & QTKD
3	TCNH	83403	Kinh tế quản lý	3	3				TS. Đặng Thị Thanh Loan TS. Nguyễn Thị Kim Ánh	TC-NH & QTKD
<b>II. Kiến thức cơ sở và ngành</b>				<b>44</b>	<b>9</b>	<b>17</b>	<b>17</b>	<b>9</b>		
<b>II.1. Bắt buộc</b>				<b>32</b>	<b>3</b>	<b>17</b>	<b>11</b>	<b>9</b>		
4	TCNH	83404	Quản trị chiến lược	3	3				PGS. TS. Đỗ Ngọc Mỹ TS. Nguyễn Chí Tranh TS. Nguyễn Thị Hạnh	TC-NH & QTKD

5	TCNH	83405	Quản trị tài chính công ty	3		3			TS. Phan Trọng Nghĩa TS. Trần Thị Diệu Hương	TC-NH& QTKD
6	TCNH	83406	Quản trị ngân hàng hiện đại	3		3			TS. Nguyễn Hoàng Phong PGS. TS. Phạm Thị Bích Duyên	TC-NH& QTKD
7	TCNH	83407	Tài chính công	2		2			TS. Lê Việt An TS. Phan Thị Quốc Hương	TC-NH& QTKD
8	TCNH	83408	Marketing dịch vụ tài chính	2		2			TS. Lê Dzu Nhật TS. Nguyễn Hà Thanh Thảo	TC-NH& QTKD
9	TCNH	83409	Quản trị rủi ro tài chính	2		2			TS. Trần Thị Thanh Diệu TS. Nguyễn Hoàng Phong	TC-NH &QTKD
10	TCNH	83410	Tài chính quốc tế	2		2			TS. Phạm Thị Thúy Hằng TS. Trần Thị Diệu Hương	TC-NH& QTKD
11	TCNH	83411	Thực tập chuyên môn 1	3		3			Giảng viên đáp ứng quy định hiện hành	TC-NH &QTKD
12	TCNH	83412	Đầu tư tài chính	3			3		TS. Phan Thị Quốc Hương TS. Nguyễn Hữu Trúc	TC-NH& QTKD
13	TCNH	83413	Phân tích tài chính	3			3		TS. Trần Thị Diệu Hương TS. Đặng Hồng Vương	TC-NH& QTKD
14	TCNH	83414	Thực tập chuyên môn 2	3			3		Giảng viên đáp ứng quy định hiện hành	TC-NH &QTKD
15	TCNH	83415	Tài chính bền vững	2			2		PGS. TS. Phạm Thị Bích Duyên TS. Trần Thanh Phong	TC-NH& QTKD
<b>II.2. Phần tự chọn</b>				<b>12</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>6</b>			
<i>Tự chọn 1: Chọn 3 trong 5 học phần</i>				<b>6</b>	<b>6</b>					
16	TCNH	83416	Lãnh đạo	2	2				TS. Trịnh Thị Thúy Hồng PGS. TS. Đỗ Ngọc Mỹ	TC-NH& QTKD
17	TCNH	83417	Quản trị trải nghiệm khách hàng	2	2				TS. Phạm Trần Trúc Viên TS. Vũ Thị Nữ	TC-NH& QTKD
18	TCNH	83418	Tài chính khởi nghiệp	2	2				TS. Vũ Thị Nữ TS. Phạm Trần Trúc Viên	TC-NH& QTKD
19	TCNH	83419	Quản lý kinh doanh bảo hiểm	2	2				TS. Phạm Thị Hương TS. Đặng Hồng Vương	TC-NH& QTKD
20	TCNH	83420	Phân tích dữ liệu tài chính	2	2				TS. Cao Tấn Bình TS. Lâm Thị Thanh Tâm	Toán & Thống kê
<i>Tự chọn 2: Chọn 3 trong 5 học phần</i>				<b>6</b>			<b>6</b>			
21	TCNH	83421	Ngân hàng Trung ương	2			2		TS. Trịnh Thị Thúy Hồng TS. Lê Việt An	TC-NH &QTKD





21	Ngân hàng Trung ương	X	X	X	X			X		X	X
22	Kế toán quản trị			X			X	X	X	X	X
23	Quản trị dòng tiền	X	X	X	X			X	X	X	X
24	Định giá doanh nghiệp	X	X	X	X			X	X	X	X
25	Fintech	X		X	X		X			X	X
26	Đề án thạc sĩ	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

### 1.7. Phương pháp đánh giá

**\* Thang điểm đánh giá:**

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

**\* Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm**

**a. Học phần lý thuyết**

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Chọn 1 trong 3 nhóm trọng số		
			Nhóm 1	Nhóm 2	Nhóm 3
1	Quá trình	<p>* Đánh giá chuyên cần: tích cực tham dự lớp học.</p> <p>* Học viên làm một bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết hoặc thuyết trình).</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu được nêu cụ thể trong M4 của học phần.</p> <p>* Các bài báo cáo nhóm hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách học phần.</p> <p>- Tiêu chí đánh giá: nội dung, hình thức, thể hiện bài báo cáo, bài tập lớn theo quy định chi tiết trong M4 của học phần.</p> <p>* Các bài tiểu luận theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài tiểu luận: đúng đáp án hoặc yêu cầu được nêu cụ thể trong M4 của học phần.</p>	30%	40%	50%
2	Cuối kỳ	<p>Thi kết thúc học phần</p> <p>* Hình thức thi: Viết/vấn đáp.</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án hoặc yêu cầu được nêu cụ thể trong M4 của học phần.</p> <p>* Hình thức thi: Bài báo cáo/thu hoạch/tiểu luận</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài thi: nội dung, hình thức bài theo yêu cầu được nêu cụ thể trong M4 của học phần.</p>	70%	60%	50%

**b. Học phần Thực tập chuyên môn**

Điểm đánh giá học phần thực tập chuyên môn do 2 giảng viên chấm dựa trên quá trình thực tập và nội dung bài báo cáo của học viên. Tiêu chí đánh giá được nêu cụ thể trong M4 của học phần.

**c. Học phần Đề án thạc sĩ**

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Quy Nhơn. Tiêu chí đánh giá được nêu cụ thể trong M4 của học phần.

**\* Phương pháp đánh giá**

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng được chia thành 2 loại chính: Đánh giá tiến trình (Formative Assessment) và Đánh giá tổng kết (Summative Assessment).

Diễn giải để mô tả các phương pháp đánh giá như trong bảng:

**Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)**

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra (PLOs)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
<b>I. Đánh giá tiến trình</b>										
1. Đánh giá chuyên cần	X	X	X	X						
2. Đánh giá thuyết trình	X	X	X	X		X	X	X	X	X
3. Đánh giá làm việc nhóm	X	X	X	X		X	X	X	X	X
4. Đánh giá bài kiểm tra	X	X	X	X		X	X	X	X	X
5. Đánh giá bài tập lớn, tiểu luận	X	X	X	X		X	X	X	X	X
<b>II. Đánh giá tổng kết</b>										
6. Kiểm tra viết	X	X	X		X	X	X	X	X	X
7. Bảo vệ và thi vấn đáp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
8. Đánh giá báo cáo/thu hoạch/tiểu luận/đề án (nội dung và vấn đáp)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

**2. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN**

Xem Phụ lục Đề cương chi tiết học phần

Bình Định, ngày 26 tháng 6 năm 2023

**HIỆU TRƯỞNG**

**PGS. TS. Đỗ Ngọc Mỹ**

**PHỤ LỤC**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT  
CÁC HỌC PHẦN**